

Số: 38/2020/QĐST-KDTM

T, ngày 24 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2020/TLST- KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Xây dựng);

Địa chỉ: 145-147 – 149 Hùng Vương, Phường 2, thành phố T An, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T , chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quyết T , chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách khối Công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm AT , chức vụ: Chuyên viên phòng Công nợ - Ngân hàng thương mại TNHH MTV xây dựng Việt Nam theo Giấy ủy quyền số 16/2019/GUQ-CTHĐTV ngày 12/6/2019 và Giấy ủy quyền số 38/2020/GUQ – CB ngày 23/3/2020.

*** Bị đơn:**

1. AChu Văn B, S năm 1983;

2. Chị Nguyễn Thị H, S năm 1988 (vợ AB).

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Phùng Xá, huyện T, Thành phố H

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị S, S năm 1951;
2. Ông Chu Văn N, S năm 1946 (chồng bà S) – đã chết năm 2011.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N:**

- 2.1. Bà Đặng Thị S, S năm 1951 (vợ ông N);
- 2.2. AChu Văn B, S năm 1983 (con ông N – bà S);
- 2.3. AChu Văn A, S năm 1978 (con ông N – bà S);

Nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện T, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của AChu Văn A : Chị Đỗ Thị T (vợ AA), theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2020.

- 2.4. Chị Chu Thị Tuyết M, S năm 1981 (con ông N – bà S)

Nơi cư trú: Thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, TP.H

3. Chị Đỗ Thị T, S năm 1983 (vợ AA);
4. Cháu Chu Quốc Huy, S năm 2003 (con chị T – A A);
5. Cháu Chu APhát, S năm 2008 (con chị T – A A);
6. Cháu Chu Thị Bảo Vy, S năm 2008 (con AB – chị H);
7. Cháu Chu Văn Bảo Nam, S năm 2011 (con AB – chị H);
8. Cháu Chu Văn Nhật Quang, S năm 2015 (con AB – chị H).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huy, cháu Phát là chị Đỗ Thị T và AChu Văn A – bố, mẹ đẻ;

Người đại diện theo pháp luật của cháu V, cháu N, cháu Q là AChu Văn B, chị Nguyễn Thị H – bố, mẹ đẻ.

Cùng cư trú: Thôn 1, xã P, huyện T, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. AChu Văn B và chị Nguyễn Thị H xác nhận còn nợ và có nghĩa vụ trả ngân hàng thương mại TNHH MTV xây dựng Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2020 là: **2.844.625.000 đồng** (hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bao gồm:

+ Tổng nợ gốc:	650.000.000 đồng.
+ Tổng nợ lãi trong hạn :	83.230.000 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn:	2.111.395.000 đồng

2.2. AChu Văn B, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2020 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 030.0264/HĐTD/HM-2011 ngày 15/12/2011 và Khế ước nhận nợ số 01/030.0264/HĐTD/HM-2011/KUNN ngày 15/12/2011 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2.3. Trường hợp anh Chu Văn B và chị Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng xây dựng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Xây dựng để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 407, tờ bản đồ số 05; diện tích 110m²; địa chỉ: Cụm 1 (nay là thôn 1), xã Phùng Xá huyện T, Thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 409113, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00500.QSDD/549.QĐ – UB - H, do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố H) cấp ngày 04/7/2002 cho hộ ông Chu Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, được công chứng tại Phòng Công chứng số 8 - Thành phố H, số công chứng 2410, Quyền số 07 ngày 13/11/2009 và đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, Thành phố H ngày 17/11/2009 và được đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, chi nhánh huyện T ngày 08/12/2018.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của AChu Văn B và chị Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của AB, chị H tại Ngân hàng, AB, chị H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng xây dựng.

2.4. Về án phí: AChu Văn B và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh do Athương mại sơ thẩm là: 44.446.250 đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả Ngân hàng thương mại TNHH MTV xây dựng Việt Nam số tiền 25.652.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/00011505 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS huyện T;
- TANDTP H; VKSNDTP H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy